TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03- 4-2018
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thu Hiền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết** Lệ

2. Bà **Đinh Thị Thúy Hằng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Thạch Thị Minh Châu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thạch Thị S**, sinh năm 1985; (có mặt).

Địa chỉ: Ấp SS, xã HH, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Anh **Trần T**, sinh năm 1984; (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp CT, xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch*: Ông **Kim Trường Mô N**. Nơi công tác: Phó ban nhân dân ấp CH, xã PC, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị S trình bày:

Vào ngày 10/01/2005, chị S với anh Trần T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà cha mẹ chồng, vợ chồng

sống chung với nhau nhưng anh T không lo làm ăn mà chỉ biết uống rượu về nhà kiếm chuyện với chị S, do không thể sống chung với một người chồng suốt ngày chỉ biết uống rượu nên chị S đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2006 cho đến nay, từ khi chị S bỏ về nhà cha mẹ ruột cho đến nay anh T không một lần đến thăm, do thời gian ly thân đã lâu, nên không còn tình cảm gì với anh T nữa.

Về hôn nhân: Chị S yêu cầu được ly hôn với anh Trần T.

Về con chung: Có 01 người tên là Trần Thị Diễm T, sinh ngày 06/11/2005, từ khi ly thân cho đến nay con chung sống chung với chị S, nay chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có.

Tại bản tự khai ngày 24/01/2018 cháu Trần Thị Diễm T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị S đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau đây: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Thạch Thị S (bản photo công chứng); 01 sổ hộ khẩu do chị Thạch Thị S làm chủ hộ (bản photo công chứng); 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản pho to công chứng).

Đối với bị đơn anh Trần T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh T không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh T được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần T.

2. Về hôn nhân: Chị Thạch Thị S và anh Trần T có đăng ký kết hôn với nhau là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không lo làm ăn mà suốt ngày chỉ biết ăn chơi, uống rượu. Quá trình tố tụng chị S xác định giữa chị S và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống từ khi chị S và anh T ly thân với nhau cho đến nay, anh T và chị S không có liên lạc với nhau điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục

đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Trần T.

3. Về con chung: Theo như chị S trình bày từ khi ly thân cho đến nay, cháu Trần Thị Diễm T sống chung với chị S và anh T cũng không một lần đến thăm, từ đó có cơ sở tiếp tục giao cháu Trần Thị Diễm T sinh ngày 06/11/2005 cho chị Thạch Thị S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ của cháu Trần Thị Diễm T.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định *"... Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.....*". Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay chị S không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét gải quyết.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình tố tụng chị Thạch Thị S khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh T nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị S thì anh T được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị S.

Về án phí: Chị Thạch Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị S, cho chị Thạch Thị S được ly hôn với anh Trần T.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Trần Thị Diễm T, sinh ngày 06/11/2005. Anh Trần T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thạch Thị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình tố tụng chị Thạch Thị S khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh T nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh T có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị S thì anh T được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị S.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015220 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Thạch Thị S đã nộp đủ án phí. Anh Trần T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thị Thu Hiền